

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 tháng 9 năm 2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Xiềng

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M; sinh năm 1983; địa chỉ: Làng J, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn T; sinh năm 1974; địa chỉ: Làng J, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, từ năm 2015 đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T không quan tâm, lo lắng gì cho gia đình, có quan hệ ngoại tình, thường xuyên cờ bạc, đánh đập vợ. Bà M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn T có 02 con chung là cháu Hoàng Văn T1, sinh ngày 22/10/2001 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 04/9/2012. Cháu T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Ly hôn, bà M yêu cầu giao cháu D cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà M hiện nghề buôn bán, thu nhập trung bình hàng tháng là 6.000.000 đồng, có đủ khả năng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo nguyện vọng.

- Về chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Hoàng Văn T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Hoàng Văn T cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của anh Hoàng Văn T.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Trích lục kết hôn; Giấy khai sinh cháu Hoàng Văn T1 và cháu Hoàng Văn D; Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Hoàng Văn D; 02 Biên bản xác minh ngày 06/5/2024 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai liên tiếp nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai liên tiếp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Bà M và ông T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà M nêu lý do yêu cầu ly hôn là từ năm 2015 đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T không quan tâm, lo lắng gì cho gia đình, có quan hệ ngoại tình, thường xuyên cò bạc, đánh đập vợ. Bà M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T không tham gia các phiên hòa giải để đoàn tụ và tại phiên tòa cũng vắng mặt, điều đó cho thấy ông T không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và

ông T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn T có 02 con chung là cháu Hoàng Văn T1, sinh ngày 22/10/2001 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 04/9/2012. Cháu T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Ly hôn, bà M yêu cầu giao cháu ăn D cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng nuôi con của bà M phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên, ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà M. Về cấp dưỡng nuôi con, bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung của bà Nguyễn Thị M và ông Hoàng Văn T là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. ông Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009518 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã Ia Tô;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính